

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 194/2021/DS-PT

Ngày 11/11/2021

V/v: "*Kiện đòi tài sản*".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở TAND tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLPT-DS về việc "*Kiện đòi tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm 56/2021/DS-ST ngày 20/5/2021, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 134/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Phương L (T1); địa chỉ: Đinh Tiên H, phường An B, thị xã Buôn H, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh Th (T2); địa chỉ: Mai Hắc Đ, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Hồng Th1; địa chỉ: Đinh Tiên H, phường An B, thị xã Buôn H, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.

2. Bà Hồ Thị G; địa chỉ: Thôn Triều T, xã Phú A, huyện Phú V, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Như Th2; địa chỉ: Mai Hắc Đ, thành phố Buôn Ma Th, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt.

Do có Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành

phố Buôn Ma Thuột.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Phương L trình bày: Tôi là Trần Thị Phương L tên thường gọi là T1 là chị ruột của bà Trần Thị Thanh Th, tên thường gọi là T2. Vào ngày 9 tháng 12 năm 2010, bà Th về Buôn H nói tôi “chị có vàng nhiều đưa em cất giữ cho khi nào lấy là em đưa liền, chị ở trọ lặn đi lặn về mất ba ăn không được ngủ không ngon tội ba lắm”. Tôi đã tin lời em gái nên tôi đã đưa cho T2 cất giữ là 35 chỉ vàng trong đó: 1 cây vàng SJC và 25 chỉ vàng 9999. Khi đưa vàng cho T2 thì T2 có viết cho tôi một tờ giấy viết tay. Khi cần số vàng đó tôi có đòi nhưng bà T2 không trả. Nay tôi yêu cầu bà Th (tức T2) trả cho tôi 35 chỉ vàng trong đó: 1 cây vàng SJC và 25 chỉ vàng 9999.

2. Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2020 bị đơn bà Trần Thị Thanh Th trình bày: Tôi xác định tôi tên thật và đăng ký giấy khai sinh tên là Trần Thị Thanh Thanh, ngoài tên Thanh ra tôi còn được gia đình hay gọi bằng tên T2. Đối với việc bà L là chị ruột của tôi nói tôi có cất giữ 35 chỉ vàng trong đó 01 cây vàng SJC và 25 chỉ vàng 9999 là hoàn toàn không có căn cứ, cố tình vu oan cho tôi. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương L.

3. Theo biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2020 người làm chứng ông Trần Hồng Th1 trình bày: Tôi là chồng của bà Trần Thị Phương L. Vào ngày 09/12/2010 tôi cùng bà L và bà Trần Thị Thanh Th ra ngoài chợ Buôn H, bà L có đưa số vàng là 35 chỉ vàng trong đó: 01 cây vàng SJC và 25 chỉ vàng 9999 cho bà Th cất giữ và bà Th viết giấy cất vàng dùm cho bà L. Lúc đưa vàng cho bà Th thì có mặt của bà Hồ Thị G (là mẹ của bà Th, bà L) và ông Nguyễn Văn Th2 là chồng của bà Th. Tôi là người làm chứng sự việc bà L đưa vàng cho bà Th cất giữ.

4. Theo biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2020, người làm chứng bà Hồ Thị G trình bày: Tôi là mẹ ruột của Trần Thị Phương L và bà Trần Thị Thanh Th. Lúc nhỏ bà L có tên gọi khác là T1, bà Th có tên gọi khác là T2. Bà G không chứng kiến và không biết sự việc Trần Thị Phương L đưa cho bà Trần Thị Thanh Th cất giữ vàng. Việc bà L yêu cầu bà Th trả 35 chỉ vàng là việc riêng của bà L và bà Th, bà G không biết gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi năm nay đã 85 tuổi, già yếu không đi lại được mong Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt tôi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2021/DS-ST ngày 20/5/2021, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Áp dụng Điều 255, Điều 256, Điều 599; Điều 600 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 1 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương L (T1). Buộc bà Trần Thị Thanh Th (T2) có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Trần Thị Phương L (T1) 35 chỉ vàng bao gồm 01 cây vàng (10 chỉ vàng) SJC và 25 chỉ vàng 9999.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột có Quyết định kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Viện kiểm sát thay đổi nội dung Quyết định kháng nghị từ sửa án sơ thẩm sang hủy án sơ thẩm, đương sự giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm nhận định bị đơn phải chứng minh tài liệu do nguyên đơn cung cấp không phải do bị đơn ký và viết ra là không đúng quy định tại Điều 91 BLTTDS; Mặt sau của giấy biên nhận do nguyên đơn nộp có dòng chữ “15/6/2011 lấy T2 03 chỉ, còn 32^c” nhưng chưa được cấp sơ thẩm điều tra làm rõ; Cấp sơ thẩm chưa đối chất giữa các đương sự để làm rõ chữ “c” viết sau số 35 trong giấy biên nhận có nghĩa là gì. Mặc dù còn nhiều nội dung chưa được làm rõ nhưng cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn trả cho bị đơn 35 chỉ vàng là không đủ căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi Quyết định kháng nghị, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 56/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, HĐXX thấy rằng:

Nguyên đơn trình bày có gửi cho bị đơn giữ hộ 35 chỉ vàng vào ngày 09/12/2010 gồm 01 cây vàng SJC và 25 chỉ vàng 9999. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án giấy viết tay đề ngày 09/12/2010 có nội dung: *“T2 cất dùm cho chị T1 là 35^c”*, đồng thời khẳng định chữ ký, chữ viết được viết trong giấy là của bị đơn nhưng không được bị đơn thừa nhận.

Cấp sơ thẩm đã yêu cầu nguyên đơn và bị đơn nộp tiền giám định chữ ký, chữ viết nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đồng ý nộp. Cấp sơ thẩm đã nhận định *“Nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ cho yêu cầu của mình, đều khẳng định chữ ký, chữ viết trong giấy là của bị đơn.... Bản thân bị đơn là người đang bị yêu cầu trả vàng xác nhận chữ ký, chữ viết không phải do bị đơn viết ra nhưng không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giám định để chứng minh... Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả lại 35 chỉ vàng là có cơ sở”*. Lập luận của cấp sơ thẩm như trên là không thỏa đáng, bởi lẽ mặc dù nguyên đơn khẳng định tài liệu mà nguyên đơn cung cấp là do bị đơn ký và viết ra nhưng không được bị đơn thừa nhận. Như vậy, nguyên đơn là người đưa ra yêu cầu phải có nghĩa vụ chứng minh yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại Điều 91 BLTTDS, phải có nghĩa vụ nộp chi phí giám định theo quy định tại khoản 2 Điều 102 BLTTDS để giám định chữ ký, chữ viết trong Tài liệu mà nguyên đơn đã cung cấp có phải là chữ ký, chữ viết của bị đơn hay không, đây không phải nghĩa vụ của bị đơn.

Nguyên đơn khai, lúc nguyên đơn giao vàng cho bị đơn có bà Hồ Thị G, ông Trần Hồng Th1, ông Nguyễn Như Th2 chứng kiến. Tuy nhiên, chỉ có ông Trần Hồng Th1 khai cùng nội dung với nguyên đơn, còn bà G (mẹ đẻ của nguyên đơn và bị đơn) lại khai không chứng kiến. Như vậy, trong khi lời khai của nguyên đơn và bà G – là người trong gia đình đang có mâu thuẫn về nội dung chứng kiến việc giao vàng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn căn cứ vào tài liệu chưa được giám định để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ vững chắc.

Mặt khác, tại mặt sau của giấy biên nhận do nguyên đơn cung cấp có dòng chữ *“15/6/2011 lấy T2 03 chỉ, còn 32^C”*, cấp sơ thẩm không điều tra làm rõ mà đã buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 35 chỉ vàng là không thỏa đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thừa nhận dòng chữ này do nguyên đơn viết vì đã nhận của bị đơn 03 chỉ vàng vào ngày 15/6/2011. Trường hợp có căn cứ để xác định chữ viết, chữ ký trong tài liệu mà nguyên đơn cung cấp là do bị đơn ký và viết ra, cũng cần đối chất giữa các đương sự để làm rõ chữ *“c”* viết sau số *“35”* trong giấy biên nhận được hiểu nghĩa là gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng vào ngày 03/2 năm Tân Sửu, có ông Nguyễn Văn Đ và ông Đoàn Châu H (là em rể của bị đơn), được bị đơn nhờ đến nhà nguyên đơn để thương lượng việc bán ngôi nhà mà nguyên đơn đang

ở tại thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk để trả số vàng cho nguyên đơn, nội dung này cũng cần được xác minh làm rõ để có thêm cơ sở đánh giá nội dung tranh chấp.

[2] Do cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên việc thay đổi kháng nghị của đại diện VKSND đề nghị hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận việc thay đổi Quyết định kháng nghị số 04/QĐ/KNPT-DS ngày 03/6/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[1] Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2] Án phí sẽ được quyết định khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương